

Số: /TB-BV

Đồng Văn, ngày tháng 11 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc mời đơn vị tham gia tư vấn: Lập Hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/4/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Công văn số 459/SYT-NVD ngày 00/03/2023 của Sở Y tế Hà Giang về việc cho chủ trương đấu thầu mua vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm và sinh phẩm y tế năm 2023-2024;

Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn thông báo đến các đơn vị tư vấn có năng lực tham gia gói thầu lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu thuộc dự án: Mua sắm vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm, hoá chất khác và sinh phẩm y tế năm 2023-2024 (có danh mục chi tiết kèm theo).

Tổng dự án gói thầu Mua sắm vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm, hoá chất khác và sinh phẩm y tế năm 2023-2024 là 8.779.888.414đ (Số tiền bằng chữ: Tám tỷ bảy trăm bảy mươi chín triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn, bốn trăm mười bốn đồng./.).

TT	Nội dung công việc	Khối lượng
1	Tư vấn lập HSMT, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu Mua sắm vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm, hoá chất khác và sinh phẩm y tế năm 2023-2024	01 gói
2	Tư vấn thẩm định HSMT: Mua sắm vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm, hoá chất khác và sinh phẩm y tế năm 2023-2024	01 gói

Khi nhận được thông báo này, các đơn vị tư vấn có nhu cầu tham gia đề nghị gửi 01 bộ hồ sơ về khoa Dược – Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn, Tổ 7 Thị trấn Đồng Văn Huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang (Liên hệ Bà Nguyễn Thị Hải Yến, SĐT 0915.566.752) trước 08 giờ 00 phút ngày 20/11/2023 để tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định. Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị tham gia tư vấn;
- Hồ sơ năng lực của đơn vị có kèm theo các nội dung sau:

- + Văn bản chứng minh có chức năng trong công tác Lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT và thẩm định E-HSMT, đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu.
 - + Các hợp đồng tương tự đã ký kết trong thời gian qua (02 năm gần nhất).
 - + Một số thông tin khác có liên quan.
- Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Website bệnh viện;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Sấn Văn Cương

PHỤ LỤC 01: DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
1	G01.001	Hóa chất định lượng Albumin	Thành phần hoạt chất: Citrate buffer pH 4.2: 30 mmol/L; Bromocresol green: 0.26 mmol/L Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Quy cách đóng gói: 4x 50 mL / hộp	Biotechnica / Ý	Hộp	25
2	G01.002	Hóa chất định lượng Alpha Amylase	Thành phần: MES buffer pH 6.0: 100 mmol/L, Sodium chloride: 350 mmol/L, Calcium Acetate: 6 mmol/L, Potassium thiocyanate: 900 mmol/L, CNP-G3: 2.27 mmol/L Quy cách đóng gói: 5 x 20mlR1 / hộp Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Biotechnica / Ý	Hộp	10
3	G01.003	Hóa chất định lượng Ure UV	Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1: Tris buffer pH 7.8: 150 mmol/L; 2-oxiglutarate: 9 mmol/L; ADP: 0.75 mmol/L; Urease: ≥ 7 KU/L; GLDH (Glutamate dehydro: ≥ 1 KU/L Hóa chất R2: NADH: 1.3 mmol/L Quy cách đóng gói: 8x50mlR1, 8x12,5ml R2 / hộp Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Biotechnica / Ý	Hộp	15
4	G01.004	Hóa chất định lượng Uric Acid	Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1: Phosphate buffer pH 7.0 : 100 mmol/L; TBHBA: 1.25 mmol/L; Hóa chất R2: Phosphate buffer pH 7.0 : 100 mmol/L; 4-Aminoantipyrine: 1.5 mmol/L; K4-[Fe(CN)6]: 50 μ mol/L; POD: ≥ 10 kU/L; Uricase: ≥ 150 U/L - Đóng gói: Hộp 8x50mlR1, 8x12,5ml R2 Quy cách đóng gói: 8x50mlR1, 8x12,5ml R2 / hộp Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Biotechnica / Ý	Hộp	04

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
5	G01.005	Hóa chất định lượng Cholesterol	Thành phần hoạt chất: Good 's buffer pH 6.7 : 50 mmol/L; Phenol: 5 mmol/L; 4-Aminoantiprine : 0.3 mmol/L; Cholesterol esterase : ≥ 200 U/L; Cholesterol oxidase : ≥ 200 U/L; Peroxidase : ≥ 3 kU/L Quy cách đóng gói: 8 x 50ml R1 / hộp Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Biotechnica / Ý	Hộp	04
6	G01.006	Hóa chất định lượng CK NAC	Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1: Imidazole pH 6.0: 60 mmol/L; Glucose: 27 mmol/L; N-Acetylcysteine (NAC): 27 mmol/L; Magnesium acetate: 14 mmol/L; EDTA-Na2: 2 mmol/L; NADP: 2.7 mmol/L; Hexokinase (HK): ≥ 5 kU/L; Hóa chất R2: Imidazole pH 9.0: 160 mmol/L; ADP: 11 mmol/L; AMP: 28 mmol/L; Diadenosine pentaphosphate: 55 μ mol/L; Glucose-6-phosphate dehydrogenase (G6P-DH): ≥ 14 kU/L; EDTA-Na2: 2 mmol/L; Creatine phosphate: 160 mmol/L Quy cách đóng gói: 1x50mlR1, 1x12,5mlR2 / hộp Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Biotechnica / Ý	Hộp	04
7	G01.007	Hóa chất định lượng CK-MB	Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1: Imidazol buffer: 120 mmol/L; Glucose: 25 mmol/L; N-Acetyl Cysteine (NAC): 25 mmol/L; Magnesium acetate: 12.5 mmol/L; EDTA-Na2: 2 mmol/L; NADP: 2.5 mmol/L; Hexokinase (HK): ≥ 5 kU/L; Kháng thể đơn dòng chống lại CK-M ở người (chuột); năng lực ức chế: 2500 U/L Hóa chất R2: Imidazole/Good's buffer: 90 mmol/L; ADP: 10 mmol/L; AMP: 28mmol/L; Glucose-6-Phosphate-Dehydrogenase (G6P-DH): ≥ 15 kU/L; Diadenosine pentaphosphate: 50 μ mol/L; Creatine phosphate: 150 mmol/L Quy cách đóng gói: 4x10ml R1, 1x10mlR2 / hộp Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Biotechnica / Ý	Hộp	04

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
8	G01.008	Hóa chất định lượng Creatinine	Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1: Sodium Hydroxide: 0.2 mol/L Hóa chất R2: Picric Acid: 20 mmol/L Quy cách đóng gói: 8x50ml R1, 8x12,5mlR2 / hộp Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Biotechnica / Ý	Hộp	15
9	G01.009	Hóa chất định lượng Direct HDL	Thành phần hoạt chất: Hóa chất 1 (R1): Good's buffer pH 7.0: 25 mmol/L; 4-Aminoantipyrine: 0.75mmol/L; Peroxidase (POD): 2000U/L; Ascorbate oxidase: 2250U/L; Anti human lipoprotein Ab Thuốc thử R2: Good's buffer pH 7.0: 30 mmol/L; Cholesterol Esterase (CHE): 4 kU/L; Cholesterol Oxidase (CHO): 20 kU/L; N-Ethyl-N-(2-Hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5-dimethoxy-4-Flouroaniline; Muối sodium (F-DAOS): 0.8 mmol/L Quy cách đóng gói: 2x50ml R1, 2x12,5mlR2 / hộp Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Biotechnica / Ý	Hộp	05
10	G01.010	Hóa chất định lượng Direct LDL	Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1: Good's buffer pH 6.8: 20 mmol/L; Cholesterol esterase (CHE): ≥ 2.5 kU/L; Cholesterol oxidase (CHO): ≥ 2.5 kU/L; N-(2-Hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5-dimethoxyaniline (H-DAOS) Catalase: ≥ 500 kU/L Hóa chất R2: Good's buffer pH 7.0: 25 mmol/L; 4-Aminoantipyrine: 3.4 mmol/L; Peroxidase (POD): ≥ 15 kU/L Quy cách đóng gói: 2x50ml R1, 2x12,5mlR2 / hộp Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Biotechnica / Ý	Hộp	005

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
11	G01.011	Hóa chất định lượng Glucose	Thành phần hoạt chất: Phosphate buffer pH 7.5: 250 mmol/L; Phenol: 5 mmol/L; 4-Aminoantipyrine: 0.5 mmol/L; Glucose Oxidase (GOD): ≥ 10 kU/L; Peroxidase (POD): ≥ 1 kU/L Quy cách đóng gói: 8 x 50ml R1 / hộp Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Biotechnica / Ý	Hộp	25
12	G01.012	Hóa chất định lượng GOT	Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1: Tris pH 7.8: 110 mmol/L; L-Aspartate: 340 mmol/L; MDH: 0.5 kU/L; LDH: 1.1 kU/L Hóa chất R2: 2-Oxoglutarate: 85 mmol/L; NADH: ≥ 1 mmol/L Quy cách đóng gói: 4x50mlR1, 4x12,5mlR2 / hộp Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Biotechnica / Ý	Hộp	30
13	G01.013	Hóa chất định lượng GPT	Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1: Tris, pH 7.5: 138 mmol/L; L-Alanine: 709 mmol/L; LDH: 1500 U/L Hóa chất R2: 2-Oxoglutarate: 85 mmol/L; NADH: ≥ 1 mmol/L Quy cách đóng gói: 4x50mlR1, 4x12,5mlR2 / hộp Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Biotechnica / Ý	Hộp	30
14	G01.014	Hóa chất định lượng Total Bilirubin	Thành phần hoạt chất: Thuốc thử R1: Sulfanilic Acid: 32.2 mmol/L; Ethylene Glycol; Dimethylsulfoxide (DMSO) Thuốc thử R2: Sodium Nitrite: 22 mmol/L Quy cách đóng gói: 4x50ml R1, 4x12,5ml R2 / hộp Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Biotechnica / Ý	Hộp	05

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
15	G01.015	Hóa chất định lượng Direct Bilirubin	Thành phần hoạt chất: R1 / Sulfanilic Acid: 32.2 mmol/L, R2 / Sodium Nitrite: 109 mmol/L Quy cách đóng gói: 4x50ml R1, 4x12,5ml R2 / hộp Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO	Biotechnica / Ý	Hộp	05
16	G01.016	Hóa chất định lượng Total Protein	Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1: Sodium hydroxide: 100 mmol / L; Potassium sodium tartrate: 17 mmol / L Hóa chất R2: Sodium hydroxide: 500 mmol / L; Potassium sodium tartrate: 80 mmol / L; Potassium iodide: 75 mmol /L; Copper sulphate: 30 mmol / L Quy cách đóng gói: 8x50ml R1, 8x12,5ml R2 / hộp Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Biotechnica / Ý	Hộp	20
17	G01.017	Hóa chất định lượng Triglycerides	Thành phần hoạt chất: Good's buffer pH 7.2: 50 mmol/L; 4 Chlorophenol: 4 mmol/L; Mg2+: 15 mmol/L; ATP: 2 mmol/L; Glycerolkinase (GK): ≥ 0.4 kU/L; Peroxidase (POD): ≥ 2 kU/L; Lipoprotein lipase (LPL): ≥ 2 kU/L; 4-Aminoantipyrine: 0.5 mmol/L; Glycerol-3-phosphate-oxidase (GPO): ≥ 0.5 kU/L Quy cách đóng gói: 8 x 50ml R1 / hộp Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Biotechnica / Ý	Hộp	05
18	G01.018	Hoá chất dùng trong định lượng Iron	Hóa chất dùng cho xét nghiệm sắt. Thành phần R1: Guanidine 837 mmol/l; Sodium Acetata 99.9 mmol/l. R1a :L -Ascorbic Acid 1g/100ml; R2 Ferrozine 1.52mmol/l Quy cách đóng gói: 4x50ml R1; 1x40ml R2/ hộp Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO	Dutch Diagnostics B.V/Hà Lan	Hộp	02

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
19	G01.019	Dung dịch pha loãng	Thành phần hoạt tính: Sodium Chloride 3.0 - 5.5g/L; Sodium Sulfate Anhydrous 7.5 - 11.5g/L; Buffering Agents 1.0 - 3.0g/L; Anti-fungal and Anti-bacterial Agents 0.8 - 2.5g/L Quy cách đóng gói: Thùng 20 lít Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, EC	Mindray /Trung Quốc	Thùng	30
20	G01.020	Dung dịch ly giải dùng cho máy huyết học	Thành phần hoạt tính: Quarternary Ammonium Salts <50g/L; Nonion Surfactant <15g/L; Isopropanol 0.1-1.5ml/L; Ethanol <1.5ml/L Quy cách đóng gói: Chai 500 ml Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, EC	Mindray /Trung Quốc	Chai	15
21	G01.021	Dung dịch rửa dùng cho máy huyết học	Thành phần hoạt tính: Sodium Sulfate Anhydrous 3.0 - 5.5g/L; Sodium Chloride 7.5 - 11.5g/L; Anti-fungal and Anti-bacterial Agents 1.0 - 3.0g/L Polyoxyethylene Ester 0.3 - 1.5g/L Quy cách đóng gói: 20 lít/ thùng Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, EC	Mindray /Trung Quốc	Thùng	10
22	G01.022	Hóa chất xét nghiệm Prothrombin Time	Hóa chất dùng để xác định Prothrombin Time (PT) bằng phương pháp thủ công hoặc tự động. PT-SI có thể được sử dụng để xét nghiệm các yếu tố đông máu trong các con đường đông máu ngoại sinh và con đường chung. Thành phần gồm có: - Hoá chất Thromboplastin (dạng đông khô) chứa Chiết xuất não thỏ > 10%, Sodium azide < 0,01% - Đệm CaCl ₂ chứa Sodium azide < 0,01%. Quy cách đóng gói: Hộp 6x2ml/ Hộp Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	HUMAN/ Đức	Hộp	06

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
23	G01.023	Bộ hóa chất xét nghiệm aPTT	Bộ hóa chất xét nghiệm aPTT sử dụng chất hoạt hóa Ellagic acid, sử dụng để phát hiện những thiếu sót trong Yếu tố XII, XI, X, IX, VIII, V, II, I và prekallikrein. Hộp gồm có: - Hoá chất 1: Chất thử chẩn đoán aPTT-EL 6x4ml, thành phần: + Cephalin não thỏ < 1.0% + Ellagic acid + Sodium azide < 0,01% - Hóa chất 2: Dung dịch CaCl₂ 0.02mol/l 6x4ml, thành phần: + Sodium azide < 0,01%, + muối và chất ổn định. Quy cách đóng gói: 6x4ml/ Hộp	HUMAN/ Đức	Hộp	06
24	G01.024	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen dùng để xác định Fibrinogen trong huyết tương Hộp gồm có: - Hóa chất Fibrinogen dạng đông khô 5x2ml, thành phần: + Thrombin người 80 - 100 IU/ml + Sodium azide < 0,01%. - Dung dịch đệm Imidazole Buffered Saline 1x100mL, pH 7,4 ± 0,2, thành phần: + Imidazole 0,05mol/l + chất đệm và chất ổn định - Fibrinogen huyết tương tham chiếu 2x1mL, thành phần: + huyết tương người + sodium azide < 0,01%. Quy cách đóng gói: 5x2ml/ Hộp	HUMAN/ Đức	Hộp	06

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
25	G01.025	Cuvet cho máy đông máu bán tự động	Cuvette sử dụng cho máy xét nghiệm đông máu bán tự động Quy cách đóng gói: 250 cái/hộp Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	HUMAN/ Đức	Hộp	40
26	G01.026	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm đông máu mức bất thường	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để theo dõi hiệu suất các xét nghiệm đông máu thường quy mức bất thường. Quy cách đóng gói: Hộp 6x1ml	HUMAN/ Đức	Hộp	01
27	G01.027	Test định lượng β -HCG	Bộ hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang để định lượng β -hCG *Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch sandwich *Phạm vi đo: 5-50,000 mIU/mL Quy cách đóng gói: 25 test/hộp	Boditech Med Inc / Hàn Quốc	Test	1.000
28	G01.028	Test định lượng HbA1C	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang dùng để xác định định lượng HbA1c *Dải đo: - NGSP (%): 4-15 % - IFCC (mmol/mol): 20.2-140.4 mmol/mol - eAG (mg/dL): 68.1-383.8 mg/dL Quy cách đóng gói: 25 test/hộp	Boditech Med Inc / Hàn Quốc	Test	1.500
29	G01.029	Test định lượng CRP	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng CRP *Nguyên lý đo: Phương pháp xét nghiệm miễn dịch sandwich *Dải làm việc: 2.5-300 mg/L Quy cách đóng gói: 25 test/hộp	Boditech Med Inc.;Hàn Quốc	Test	1.500

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
30	G01.030	Test dùng để định lượng AFP	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng Alpha Feto Protein (AFP) * Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch sandwich *Dải đo: 5-350 ng/mL. Quy cách đóng gói: 25 test/hộp	Boditech Med Inc.;Hàn Quốc	Test	100
31	G01.031	Test định lượng PSA	Bộ hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng Kháng nguyên đặc hiệu của tuyến tiền liệt (Prostate specific antigen- PSA) trong máu toàn phần/huyết thanh/huyết tương của con người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch sandwich *Dải làm việc: 0.1-100 ng/mL (đối với huyết tương/ huyết thanh) 0.5-100 ng/mL (đối với máu toàn phần)	Boditech Med Inc.;Hàn Quốc	Test	100
32	G01.032	Test định lượng CEA	Bộ hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang (FIA) để xác định định lượng CEA trong huyết thanh/huyết tương người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch sandwich *Dải làm việc: 1-500 ng/mL. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Boditech Med Inc.;Hàn Quốc	Test	100

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
33	G01.033	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Na, K, Cl, Ca, Li	Thành phần: Standard A Solution, 800mL: 140.0 mmol/L Na⁺; 4.0 mmol/L K⁺; 125.0 mmol/L Cl⁻; 1.25 mmol/L Ca⁺⁺; 1.00 mmol/L Li⁺; Buffer; Preservative; Wetting Agent Standard B Solution, 180mL: 35.0 mmol/L Na⁺; 16.0 mmol/L K⁺; 41.0 mmol/L Cl⁻; 2.50 mmol/L Ca⁺⁺; 0.40 mmol/L Li⁺; Buffer; Preservative; Wetting Agent Wash Solution, 80mL 0.1 mol/L Ammonium bifluoride Waste Container Quy cách đóng gói: 800ml/hộp	Medica /Mỹ	Hộp	14
34	G01.034	Dung dịch rửa máy	Dung dịch làm sạch hàng ngày để loại bỏ các cặn protein trên các máy xét nghiệm điện giải, khí máu hãng Medica/Mỹ (Có Ammonium Bifluoride) Thành phần 1 hộp gồm: - Daily Cleaner Diluent- Pha loãng rửa hàng ngày: 1 lọ 90 ml HCl (0.2 N), NH₄F₂ (0.05N) và muối. - Daily Cleaner Powder - Chất rửa hàng ngày dạng bột: 6 lọ, pepsin 0.5g Quy cách đóng gói: 1 lọ Rinse 90 mL + 6 lọ Pepsin /hộp	Medica /Mỹ	Hộp	08
35	G01.035	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng các thông số điện giải	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng các thông số điện giải Quy cách đóng gói: Hộp 2 x10ml	Medica /Mỹ	Hộp	02

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
36	G01.036	Điện cực Na	Điện cực Na, dùng cho máy xét nghiệm điện giải Quy cách đóng gói: 1 cái/hộp	Medica /Mỹ	Cái	02
37	G01.037	Điện cực K	Điện cực K, dùng cho máy xét nghiệm điện giải Quy cách đóng gói: 1 cái/hộp	Medica /Mỹ	Cái	02
38	G01.038	Điện cực xét nghiệm định lượng Cl	Điện cực Cl dùng cho máy xét nghiệm điện giải Quy cách đóng gói: 1 cái/hộp	Medica /Mỹ	Cái	02
39	G01.039	Điện cực Ca	Điện cực Ca, dùng cho máy xét nghiệm điện giải Quy cách đóng gói: 1 cái/hộp	Medica /Mỹ	Cái	02
40	G01.040	Điện cực pH	Điện cực pH, dùng cho máy xét nghiệm điện giải, máy khí máu Quy cách đóng gói: 1 cái/hộp	Medica /Mỹ	Cái	01
41	G01.041	Điện cực tham chiếu xét nghiệm	Điện cực tham chiếu dùng cho máy điện giải Quy cách đóng gói: 1 cái/hộp	Medica /Mỹ	Cái	01
42	G01.042	Điện cực tham chiếu xét nghiệm dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Điện cực tham chiếu dùng cho máy điện giải Quy cách đóng gói: 1 cái/hộp	Medica /Mỹ	Cái	01

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
43	G01.043	Bộ ống dẫn canxi	Hộp gồm: 1 đường ống bơm, 1 đường ống mẫu và 1 đường ống mẫu ngắn. Quy cách đóng gói: hộp	Medica /Mỹ	Hộp	01
44	G01.044	Giấy in máy xét nghiệm điện giải	Giấy in nhiệt dành cho máy điện giải	Medica /Mỹ	Cuộn	03
45	G01.045	Dung dịch ngâm điện cực dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Dung dịch ngâm điện cực, lọ 125 mL chứa KCl, dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Medica /Mỹ	Lọ	01
46	G01.046	Que thử nước tiểu 10 thông số	Que thử nước tiểu 10 thông số: Glucose, Protein, Bilirubin, Urobilinogen, S.G, pH, Blood, Ketones, Nitrite, Leukocytes; tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm nước tiểu	Arkray Factory, Inc/Nhật Bản	Que	15.000
47	G01.047	Dây hút hóa chất	Cấu tạo: Bằng nhựa	Biotechnica / Ý	Bộ	10
48	G01.048	Bóng đèn máy sinh hóa	Công suất 35W Kiểu bóng: Halogen	Biotechnica / Ý	Chiếc	10
		Tổng cộng: 48 mặt hàng				

PHỤ LỤC 02: VẬT TƯ Y TẾ, HÓA CHẤT KHÁC VÀ SINH PHẨM Y TẾ

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
1	G02.001	Bông hút Y tế	Sợi bông thành dải liền, các thớ bông xếp theo một chiều, không có các thớ bông xếp ngang dọc, bông mịn. Sợi bông cotton 100% hút nước. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; ISO 9001 và tiêu chuẩn cơ sở theo Dược Điển Việt Nam 5	CTCP Châu Ngọc Thạch/Việt Nam	Kg	250
2	G02.002	Băng bó Bột cỡ 15cm x 4,6m	Kích thước: 15cm x 4.6m. Sản xuất bởi bột thạch cao được pha lỏng bao phủ hoàn toàn gác thấm. Khả năng thấm nước tốt, đông kết tốt, lớp bột thạch cao sạch sẽ, trơn mịn. Mỗi cuộn được đóng gói riêng biệt trong một túi cách nước. Thời gian đông kết nhanh: khoảng 3-5 phút.	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên / Việt Nam	Cuộn	500
3	G02.003	Băng bó Bột cỡ 20cm x 4,6m	Sản xuất bởi bột thạch cao được pha lỏng bao phủ hoàn toàn gác thấm. Khả năng thấm nước tốt, đông kết tốt, lớp bột thạch cao sạch sẽ, trơn mịn. Mỗi cuộn được đóng gói riêng biệt trong một túi cách nước. Thời gian đông kết nhanh: khoảng 3-5 phút	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên / Việt Nam	Cuộn	300
4	G02.004	Băng cuộn 10cm x 5 m	Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Hai đầu cuộn băng bằng, không lệch, không xơ. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Lành/Việt Nam	Cuộn	15.000

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
5	G02.005	Băng cuộn 10cm x 2,5 m	Kích thước: 10cm x 2,5m. Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Hai đầu cuộn băng bằng, không lệch, không xơ. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng.	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Lành/Việt Nam	Cuộn	2.000
6	G02.006	Băng dính các loại, các cỡ KT 2,5 x 9,1m	Kích thước: 2,5cm x 9,1m Băng có cấu tạo nền vải lụa phủ lớp keo Acrylate ít gây dị ứng. Thành phần chính gồm: Băng vải lụa; Nền keo Acrylate Băng có độ dính tốt, bền chắc và tiện lợi, thông thoáng cho da, không gây kích ứng, không sót keo khi tháo băng ra, chống thấm nước. Thiết kế đặc biệt giúp dễ dàng xé băng theo 2 chiều. Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	3M Deutschland GmbH/Đức	Cuộn	2.000
7	G02.007	Băng dính các loại, các cỡ KT 5 x 9,1m	Kích thước: 5cm x 9,1m Băng có cấu tạo nền vải lụa phủ lớp keo Acrylate ít gây dị ứng. Thành phần chính gồm: Băng vải lụa; Nền keo Acrylate Băng có độ dính tốt, bền chắc và tiện lợi, thông thoáng cho da, không gây kích ứng, không sót keo khi tháo băng ra, chống thấm nước. Thiết kế đặc biệt giúp dễ dàng xé băng theo 2 chiều. Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	3M Deutschland GmbH/Đức	Cuộn	1.000
8	G02.008	Gạc hút y tế khổ 0.8m	Gạc được dệt từ Sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép Đạt tiêu chuẩn ISO, chứng nhận đăng ký FDA, CE, cGMP-FDA; khổ 0,8m	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Lành/Việt Nam	Mét	4.000

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
9	G02.009	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 6 lớp vô trùng cản quang	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Có sợi cản quang để kiểm tra sót gạc. Kích thước: 30x40 cm x6 lớp. Đạt tiêu chuẩn ISO, Chứng nhận FDA của Hoa Kỳ; chứng nhận GMP; Chứng nhận CE	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Lành/Việt Nam	Miếng	10.000
10	G02.010	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 12 lớp vô trùng cản quang	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Có sợi cản quang để kiểm tra sót gạc Kích thước: 10cmx10cmx12 lớp. Đạt tiêu chuẩn ISO, Chứng nhận FDA của Hoa Kỳ; chứng nhận GMP; CE	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Lành/Việt Nam	Miếng	5.000
11	G02.011	Gạc phẫu thuật meche 3,5cm x 7,5cm x 6 lớp vô trùng	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Kích thước 3,5cm x 7,5cm x 6 lớp. Đạt tiêu chuẩn ISO, Chứng nhận FDA của Hoa Kỳ; chứng nhận GMP; CE	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Lành/Việt Nam	Miếng	1.000
12	G02.012	Gạc củ ấu sản khoa	Kích thước: 10cm x 10cm x 12 ply Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Chứng nhận: ISO 9001 : 2015; ISO 13485: 2016; CE; FDA Registered; GMP	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Lành/Việt Nam	Cái	15.000

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
13	G02.013	Bơm cho ăn 50ml	Bơm nhựa cho ăn 50 ml. Thành phần cấu tạo: Xy lanh: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có vạch chia dung tích rõ ràng, đốc nhỏ lắp vừa kim, đốc to lắp vừa dây cho ăn. Pít tông: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có khóa bẻ gãy để hủy chống sử dụng lại. Gioăng: Nguyên liệu nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm, tạo độ kín khít giữa pít tông với xy lanh, không gây độc, không ảnh hưởng sức khỏe. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt chứng nhận CE. Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng: EN 13485:2016/ ISO 13485:2016/ ISO 9001:2015/ ISO 14001:2015.	Tanaphar/Việt Nam	Cái	500
14	G02.014	Bơm tiêm 50 ml sử dụng cho bơm tiêm điện	Nhựa y tế nguyên sinh đạt tiêu chuẩn Xy lanh đầu côn hoặc đầu xoắn, trong suốt, nhẵn bóng không cong vênh, không có bavia. Vạch chia dung tích rõ nét Gioăng mềm dẻo, bề mặt gioăng nhẵn, di chuyển dễ dàng tạo độ kín khít giữa pít tông và xi lanh Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy. Kim: kim tiêm các cỡ. Làm bằng thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh và không có gờ, có nắp chụp bảo vệ. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).	Tanaphar/Việt Nam	Chiếc	100
15	G02.015	Bơm tiêm nha khoa	Nguyên liệu: Vỏ ngoài được làm từ inox không gỉ, không gây độc hại và thân kim làm bằng thép không gỉ, đủ độ cứng cơ khí. Sản phẩm được diệt khuẩn trước khi đóng gói đảm bảo vô trùng trước khi tháo khỏi bao và sử dụng Đạt tiêu chuẩn ISO 9001; ISO 13485	Prime – Pakistan	Cái	05

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
16	G02.016	Bơm tiêm 20ml	Bơm tiêm sử dụng một lần 20ml. Thành phần cấu tạo: Xy lanh: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có vạch chia dung tích rõ ràng. Pít tông: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có khía bề gãy để hủy chống sử dụng lại. Gioăng: Nguyên liệu nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm, tạo độ kín khít giữa pít tông với xy lanh, không gây độc, không ảnh hưởng sức khỏe. Kim: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí, không bị cong vênh trong điều kiện bình thường, không bị oxy hóa; bề mặt kim tiêm nhẵn, bóng; đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh và không có gờ, có nắp chụp bảo vệ. Cờ kim 23G x 1½". Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt chứng nhận CE. Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng: EN 13485:2016/ ISO 13485:2016/ ISO 9001:2015/ ISO 14001:2015.	Tanaphar/Việt Nam	Cái	20.000

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
17	G02.017	Bơm tiêm 10ml	Bơm tiêm sử dụng một lần 10ml. Thành phần cấu tạo: Xy lanh: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có vạch chia dung tích rõ ràng. Pít tông: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có khía bề gậy để hủy chống sử dụng lại. Gioăng: Nguyên liệu nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm, tạo độ kín khít giữa pít tông với xy lanh, không gây độc, không ảnh hưởng sức khỏe. Kim: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí, không bị cong vênh trong điều kiện bình thường, không bị oxy hóa; bề mặt kim tiêm nhẵn, bóng; đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh và không có gờ, có nắp chụp bảo vệ. Cỡ kim 25G x 1½", 25G x 5/8", 23G x 1½", 23G x 5/8". Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt chứng nhận CE. Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng: EN 13485:2016/ ISO 13485:2016/ ISO 9001:2015/ ISO 14001:2015	Tanaphar/Việt Nam	Cái	60.000

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
18	G02.018	Bơm tiêm 5ml	Bơm tiêm sử dụng một lần 5ml. Thành phần cấu tạo: Xy lanh: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có vạch chia dung tích rõ ràng. Pít tông: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe. Có khía bẻ gãy để hủy chống sử dụng lại. Gioăng: Nguyên liệu nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm, tạo độ kín khít giữa pít tông với xy lanh, không gây độc, không ảnh hưởng sức khỏe. Kim: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí, không bị cong vênh trong điều kiện bình thường, không bị oxy hóa; bề mặt kim tiêm nhẵn, bóng; đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh và không có gờ, có nắp chụp bảo vệ. Cờ kim 25G x 1½", 25G x 5/8", 23G x 1½", 23G x 5/8". Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt chứng nhận CE. Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng: EN 13485:2016/ ISO 13485:2016/ ISO 9001:2015/ ISO 14001:2015.	Tanaphar/Việt Nam	Cái	80.000
19	G02.019	Bơm tiêm 1ml	Xy lanh đầu côn hoặc đầu xoắn, trong suốt, nhẵn bóng không cong vênh, không có bavaria. Vạch chia dung tích rõ nét Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. Pít tông có khía bẻ gãy để hủy. Kim: kim tiêm các cỡ. Làm bằng thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh và không có gờ, có nắp chụp bảo vệ. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).	Tanaphar/Việt Nam	Cái	2.000

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
20	G02.020	Kim cánh bướm	Kim 23G(0,6x19mm), 25G(0,5x19mm), phủ silicon. Ống dây nối 30cm. Dòng chảy ≥ 1000 ml trong 10 phút (Dịch NaCl 0,9% tại áp suất tĩnh 1 mét). Không dò rỉ nước với 27,5N áp lực trực dọc bên trong ống dây 5s và lực xoắn ít hơn 0,1N.m, góc 90 dưới áp suất thủy lực 300Kpa. Không dò khí với áp suất khí 50Kpa trong ống dây 15s. Không bị bong tách mối nối ở Áp suất tĩnh 15N. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485	Van Oostveen Medical B.V/Hà Lan	Cái	25.000
21	G02.021	Kim lấy máu, lấy thuốc 18G, 20G	Kim các cỡ: Được làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken. Đầu kim vát 3 cạnh, không gờ, có nắp chụp bảo vệ. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng, không có độc tố và chất gây sốt, không SEPH (có phiếu phân tích chất lượng). Đạt chứng nhận EN ISO 134585:2016	Tanapha/Việt Nam	Cái	30.000
22	G02.022	Kim luồn tĩnh mạch 22G	Chất liệu Catheter: FEP - Có cánh, có cổng bơm thuốc - Size/ Ext. Dia. x Length mm: G22/ 0,9 x 25, tốc độ dòng chảy: 36 ml/phút Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	Troge Medical GmbH/ Đức	Cái	20.000
23	G02.023	Kim luồn tĩnh mạch 24G	Kim luồn tĩnh mạch chất liệu FEP, có 3 vạch cản quang ở thân catheter, có cánh nhỏ không cửa bơm thuốc, có khả năng lưu kim được đến 96h. Được tiệt trùng bằng công nghệ EO. Thân catheter không có kim loại sử dụng được trong phòng MRI. Không sử dụng keo gắn kết thân catheter vào đốc nhựa. Đạt tiêu chuẩn UNI EN ISO 14001:2015 (ISO 14001:2015). Có bầu tắm lọc xóp ở cuối kim cho phép khí đi qua và không cho chất lỏng đi qua. Bầu tắm lọc có thể tháo rời để lấy mẫu máu khi cần. Cỡ kim 24G x 3/4" (I.D: 0.74 x 19 mm, 29ml/min).	Deltamed S.p.A/Ý	Cái	20.000

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
24	G02.024	Kim nha khoa các số	Kim sắc bén, nhọn giảm cảm giác đau, ít gây kích ứng đỏ da, viêm tĩnh mạch, khó chịu cho bệnh nhân, Size 27G x 13/16" (0.40 x 30mm; 0.40 x 21mm)	Kofu Factory of Terumo Corporation/ Nhật Bản	Chiếc	200
25	G02.025	Kim chọc dò gây tê tủy sống các số	Thiết kế lăng kính pha lê phản quang trong chuỗi kim giúp nhận biết nhanh và dễ dàng khi dịch não tủy chảy ra (Lăng kính có màu sáng bạc trước khi có dịch não tủy chảy ra, lăng kính chuyển sang trong suốt khi có dịch não tủy chảy ra). + Kim 18G 31/2 : chiều dài: 88mm (31/2 inch), đường kính: 1.3mm (Gauge 18). + Kim 20G 31/2 : chiều dài: 88mm (31/2 inch), đường kính: 0.9mm (Gauge 20). + Kim 22G 11/2 : chiều dài: 40mm (11/2 inch), đường kính: 0.7mm (Gauge 22). + Kim 22G 31/2 : chiều dài: 88mm (31/2 inch), đường kính: 0.7mm (Gauge 22). + Kim 25G 31/2 : chiều dài: 88mm (31/2 inch), đường kính: 0.5mm (Gauge 25). + Kim 27G 31/2 : chiều dài: 88mm (31/2 inch), đường kính: 0.4mm (Gauge 27). • Que thông nòng có màu theo quy ước Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.CE	B. Braun Medical Inc/Nhật Bản	Cái	500

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
26	G02.026	Kim châm cứu các loại, các cỡ	Kim châm cứu vô trùng dùng một lần, Kim châm cứu là sản phẩm vô trùng Thân kim được làm bằng sợi thép y tế không gỉ, đốc kim được cuốn bằng đồng, các vòng xoắn tròn đều, không có gò rập, Các cỡ.	Changchun AiK Medical Devices Co., Ltd/Trung Quốc	Cái	40.000
27	G02.027	Dây truyền dịch	Dây truyền dịch kim cánh bướm. Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích $\geq 8.5\text{ml}$. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây dẫn $\geq 1500\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và và Đạt chứng nhận CE. Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng: EN 13485:2016/ ISO 13485:2016/ ISO 9001:2015/ ISO 14001:2015.	Tanaphar/Việt Nam	Bộ	40.000
28	G02.028	Dây truyền máu dài 150cm	Dây truyền máu đuôi khí tự động, dùng để truyền máu hoặc phụ kiện của hệ thống truyền máu. Tốc độ truyền khoảng 20 giọt/ml. Dây PVC mềm, chống xoắn, không chứa DEHP. Màng lọc 200 micron, Khóa Luer. Chiều dài dây: 150 cm. Kim size: 18G X 1 1/2". Cổng "Y" thiết kế cho nhiều lần tiêm. Khối lượng mỗi 6.46ml/m. Đường kính ống dây: ID 3 mm & OD 4.1 mm. Tiệt trùng bằng khí EO.	Công ty TNHH công nghệ y tế Perfect Việt Nam/Việt Nam	Cái	200

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
29	G02.029	Khóa ba ngã không dây	Khoá 3 ngã, không dây nối, chất liệu nhựa polycarbonate tại thân chống nứt gãy rò rỉ, khóa vận bằng PVC xoay 360 độ , chịu áp lực cao < 2 bar, không có chất DEHP. Đóng gói vô trùng từng cái.	Disposafe Health and Life Care Ltd.;Cộng hòa Ấn Độ	Cái	200
30	G02.030	Găng cao su các loại, các cỡ (có bột)	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da, có cỡ S và M. Thuận cho cả tay trái và tay phải, dài 240mm.Độ dày trung bình 1 lớp áp dụng cho các cỡ tối thiểu: 0.08mm, vùng ngón tay trung bình 0.9mm, Lòng bàn tay: 0.08mm. Lực kéo đứt tối thiểu: Trước già hóa: $\geq 7,0$ N; Sau già hóa: $\geq 6,0$ N. Độ giãn dài tối thiểu khi đứt : Trước già hóa: 650%; Sau già hóa: 500%. Lượng bột bôi trơn (nằm ở mặt trong chiếc găng) $\leq 10\text{mg/dm}^2$. TCVN 6343 -1 ISO 11193-1, ASTM D3578-05, EN 455. Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.	Merufa/Việt Nam	Đôi	120.000
31	G02.031	Găng tay vô trùng dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da, tiệt trùng bằng khí EO, đóng gói mỗi túi/ đôi. Có cỡ 6.5-7.0-7.5- 8.0. Bề dày trung bình min 0.18mm, chiều dài min 280mm, chiều rộng lòng bàn tay size 6.5: $83\pm 5\text{mm}$, 7: $89\pm 5\text{mm}$, 7.5: $95\pm 5\text{mm}$; cường lực khi đứt trước lão hoá min 12.5N, sau lão hoá min 9.5N. Độ giãn đứt trước lão hoá min 700%, sau lão hoá min 550%. lượng bột max $80\text{mg} \pm 20\text{mg}/\text{đôi}$. Lượng protein max 200g/dm^2 . TCVN 6344 (ISO 10282:2014), ASTM D3577, EN 455, ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.	Merufa/Việt Nam	Đôi	10.000

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
32	G02.032	Túi máu đơn 250ml	Dung tích 250ml để đựng máu toàn phần, trong túi có 35ml dung dịch chống đông CPDA-1 (100ml CPDA-1 chứa: Citric Acid: 0.299g; Sodium Citrate: 2.63g, Monobasic Sodium phosphate: 0.222g, Dextrose: 3.19g, Adenine 0,0275g). Ống dây lấy máu dài 980±40 mm, có 12 đoạn mã được in màu chìm trên ống, có kẹp nhựa để khóa tạm thời đường lấy máu. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE.	Terumo BCT Vietnam Co., Ltd./Việt Nam	Túi	200
33	G02.033	Túi ép tiệt trùng nhiệt độ cao các cỡ	Làm từ chất liệu giấy và film y tế, giấy nặng 70 gsm/m ² , film có cả loại màu xanh lam chuẩn và màu xanh lá cây không rách. Túi ép phòng tiệt trùng nhiệt độ cao các cỡ: 75mm x 100m, 100mm x 100m, 150mm x 100m, 200mm x 100m, 250mm x 100m, 300mm x 100m, 350mm x 100m Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Anqing Kangmingna Packaging Co, Ltd/Trung Quốc	Cuộn	10
34	G02.034	Túi ép dẹt dùng trong hấp tiệt trùng nhiệt độ cao 10cm x 200m	gồm 2 mặt; một mặt là phức hợp polyester, keo, polypropylene đồng trùng hợp 6 lớp có độ dày 52µm, mặt kia bằng giấy y tế cao cấp 70 g/m ² ; Chỉ thị màu từ xanh sang đen phù hợp với phương pháp tiệt trùng bằng hơi nước. Cỡ 20cm x 200m	Informer Med/Ba Lan	Cuộn	10
35	G02.035	Túi ép dẹt dùng trong hấp tiệt trùng nhiệt độ cao 15cm x 200m	gồm 2 mặt; một mặt là phức hợp polyester, keo, polypropylene đồng trùng hợp 6 lớp có độ dày 52µm, mặt kia bằng giấy y tế cao cấp 70 g/m ² ; Chỉ thị màu từ xanh sang đen phù hợp với phương pháp tiệt trùng bằng hơi nước. Cỡ 15cm x 200m	Informer Med/Ba Lan	Cuộn	10

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
36	G02.036	Túi ép dẹt dùng trong hấp tiệt trùng nhiệt độ cao 20cm x 200m	gồm 2 mặt; một mặt là phức hợp polyester, keo, polypropylene đồng trùng hợp 6 lớp có độ dày 52µm, mặt kia bằng giấy y tế cao cấp 70 g/m ² ; Chỉ thị màu từ xanh sang đen phù hợp với phương pháp tiệt trùng bằng hơi nước. Cỡ 20cm x 200m	Informer Med/Ba Lan	Cuộn	10
37	G02.037	Túi nước tiểu	Dung tích 2000ml Cổng xả ở đáy túi, ống dẫn vào dài 90cm, van chữ T chống trào ngược. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Ningbo Yingmed/Trung Quốc	Túi	2.000
38	G02.038	Ống nghiệm chống đông EDTA-K2	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế, kích thước ống 12x75mm. Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2). Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485.	Công ty CP Đầu tư Y tế An Phú;Việt Nam	Cái	20.000
39	G02.039	Ống nghiệm chống đông Heparin	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế, nắp bằng nhựa. Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông Lithium Heparin dưới dạng hạt sương, Kích thước ống 12x75mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485.	Công ty CP Đầu tư Y tế An Phú;Việt Nam	Cái	20.000
40	G02.040	Ống nghiệm Natri citrate 3,2% chân không	+ Chất liệu nhựa nguyên sinh PP 13x75mm, nắp nhựa LDPE + Phù hợp TCVN 7612:2007. + Màu nhãn và nắp: Xanh dương (hoặc xanh lá) + ISO 13485:2016 + Chất phụ gia: TriSodium Citrate 3.2% (tỉ lệ 9:1) + Thể tích lấy máu: 1.8ml	Công ty TNHH Xuất khẩu BONA;Việt Nam	Cái	5.000

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
41	G02.041	Lọ đựng bệnh phẩm có nắp 50ml	"- Lọ làm bằng nhựa PS trắng trong, trung tính, tinh khiết 100%, nắp màu đỏ, có hoặc không có thìa, có móc hoặc không móc lấy mẫu bệnh phẩm, nắp có thiết kế lưỡi gà nhằm chống rò rỉ. Dung tích 50ml. - Công dụng: Dùng chứa các mẫu bệnh phẩm như nước tiểu, đờm, phân ... - Đặc điểm: lọ trắng trong, sạch không có gì bên trong"	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT THIẾT BỊ Y TẾ 3A;Việt Nam	Lọ	2.000
42	G02.042	Ống nghiệm thủy tinh fi 12, 14, 16	Ống nghiệm thủy tinh dùng trong xét nghiệm nước tiểu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Biohal/ Đức	Cái	15.000
43	G02.043	Canuyn mayo các cỡ (nhựa)	Được làm từ polyethylene không độc hại. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hitec Medical Co., Ltd;Trung Quốc	Cái	50
44	G02.044	Ống Nội khí quản không bóng chèn	Chất liệu ống PVC Thông số các cỡ ống: 2.5(đường kính ngoài 3.6mm, chiều dài 130mm); 3.0(đường kính ngoài 4.2mm, chiều dài 160mm); 3.5(đường kính ngoài 4.9mm, chiều dài 180mm); 4.0 (đường kính ngoài 5.5mm chiều dài 200mm); 4.5(đường kính ngoài 6.2mm, chiều dài 220mm) 5.0(đường kính ngoài 6.8mm, chiều dài 240mm); 5.5(đường kính ngoài 7.5mm, chiều dài 270mm), 6.0(đường kính ngoài 8.2mm, chiều dài 280mm); 6,5(đường kính ngoài 8.8mm, chiều dài 290mm). Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.	Covidien LLC/ Thái Lan	Cái	20

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
45	G02.045	Ống đặt nội khí quản có bóng số từ 2/0 đến 9/0	Chất liệu ống PVC Thông số các cỡ ống: 2.5(đường kính ngoài 3.6mm, chiều dài 130mm); 3.0(đường kính ngoài 4.2mm, chiều dài 160mm); 3.5(đường kính ngoài 4.9mm, chiều dài 180mm); 4.0 (đường kính ngoài 5.5mm chiều dài 200mm); 4.5(đường kính ngoài 6.2mm, chiều dài 220mm) 5.0(đường kính ngoài 6.8mm, chiều dài 240mm); 5.5(đường kính ngoài 7.5mm, chiều dài 270mm), 6.0(đường kính ngoài 8.2mm, chiều dài 280mm); 6,5(đường kính ngoài 8.8mm, chiều dài 290mm); 7.0(đường kính ngoài 9.6mm, đường kính bóng 25 mm, chiều dài 310mm), 7.5(đường kính ngoài 10.2mm, đường kính bóng 25mm, chiều dài 320mm), 8.0(đường kính ngoài 10.9mm, đường kính bóng 27 mm, chiều dài 320mm). Chất liệu ống PVC, Bóng Hi-Lo có thể tích lớn, áp lực nhỏ. Độ dày bóng 0.051mm, Đường kính bóng 31.5mm Thể tích bóng 21.4ml Áp lực trong bóng 19.4cm H2O Hai vạch đánh dấu phía trên bóng chèn để hỗ trợ định vị ống an toàn. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.	Covidien LLC/ Thái Lan	Cái	700
46	G02.046	Sonde oxy 2 nhánh	Các cỡ sơ sinh, trẻ em, người lớn . Dây dẫn chính có chiều dài 2000 mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam	Cái	100
47	G02.047	Sonde cho ăn có nắp các cỡ	Chất liệu bằng nhựa trắng, dẻo, có nắp, đã tiệt trùng, sử dụng 1 lần, từ số 6-18. Dây trơn láng, không sần sùi, không có ba via. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Zhanjiang Star Enterprise Co., Ltd/Trung Quốc	Cái	1.000

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
48	G02.048	Sonde rửa dạ dày các cỡ	Chất liệu bằng nhựa trắng, dẻo, có nắp, đã tiệt trùng, sử dụng 1 lần, từ số 6-18. Dây trơn láng, không sần sùi, không có ba vĩa. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Zhanjiang Star Enterprise Co., Ltd/Trung Quốc	Cái	300
49	G02.049	Sonde dẫn lưu ổ bụng các số	Dây dẫn lưu silicon vật liệu T-OST các chiều dài tới 120cm. Kích thước 5ID x 7OD hoặc 7ID x 10OD. Dây trơn láng, mềm dẻo và trong suốt, không gây đọng dịch máu trong dây.	Forte Grow Medical;Việt Nam	Cái	300
50	G02.050	Dây hút nhót các số	Thành phần cấu tạo: - Đầu nối: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm, dẻo, không chứa DEHP, không có bavĩa, có màu theo tiêu chuẩn quốc tế để phân biệt cỡ dây. - Dây: Mềm, dẻo, đầu dây được đột lỗ và bo tròn. - Cỡ dây Số 6Fr; 8Fr; 10Fr; 12Fr; 14Fr; 16Fr; 18Fr hoặc các cỡ khác theo yêu cầu. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485;ISO 9001	Hoàng Sơn - Việt Nam	Cái	1.000
51	G02.051	Dây hút dịch phẫu thuật bằng Silicon dùng nhiều lần	Dây hút dịch phẫu thuật bằng Silicon dùng nhiều lần	Hospitech Manufacturing Services SDN.BHD - Malaysia	Cái	500
52	G02.052	Dây thở Oxy các cỡ	Các cỡ sơ sinh, trẻ em, người lớn . Dây dẫn chính có chiều dài 2000 mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam	Bộ	300

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
53	G02.053	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng 7F, kim thẳng G16/G18, dài 20cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng. - Chiều dài $\geq 20\text{cm}$ - 1 Bộ bao gồm: +Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng. +Dây dẫn đường (đầu nối chữ J). +Nong. +Nút chặn. +Kim luôn là kim thẳng hoặc kim Y. +Dao. +Xylanh. +Dây điện cực.	Guangdong Baihe Medical Technology Co.,Lt	Bộ	50
54	G02.054	Kim khâu da các số	Được sản xuất bằng thép Cacbon Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Ningbo Greetmed Medical Instruments Co., Ltd / Trung Quốc	Cái	1.500
55	G02.055	Kim khâu ruột các số	Được sản xuất bằng thép Cacbon Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Ningbo Greetmed Medical Instruments Co., Ltd / Trung Quốc	Cái	100
56	G02.056	Chỉ lạnh	Chỉ phẫu thuật không tiêu, size 80, chiều dài: 360m. Trọng lượng mỗi cuộn: 20g	DMC - Pháp	Cuộn	10
57	G02.057	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp polypropylene số 1/0 dài 100cm	Là chỉ khâu phẫu thuật vô trùng, không thấm nước, được cấu tạo từ đồng phân lập thể tinh thể đẳng hướng của polypropylene, một polyolefin mạch thẳng tổng hợp. Chỉ được nhuộm màu xanh (Phthalocyanine Blue). Lực căng khi thắt nút cao. Kim bằng chất liệu thép không gỉ. Số 1. Đạt tiêu chuẩn FDA	Demetech/ Mỹ	Sợi	36

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
58	G02.058	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp polypropylene số 2/0 dài 90cm	Chỉ khâu tiêu tổng hợp đơn sợi PolyPropylene, số 2/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tam giác dài 26mm 1/2 vòng tròn. Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE; FDA	Kollsut International Inc./ Mỹ	Sợi	36
59	G02.059	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp polypropylene số 3/0 dài 90cm	Chỉ khâu tiêu tổng hợp đơn sợi PolyPropylene, số 3/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn dài 26mm 1/2 vòng tròn. Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE; FDA	Kollsut International Inc./ Mỹ	Sợi	36
60	G02.060	Chỉ khâu liền kim Polyglactin 910 số 1 dài 90cm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate, Số 1, dài 90 cm, kim tròn đầu tròn dài 40 mm, 1/2 vòng tròn, làm từ thép không gỉ. Thời gian tiêu: 56-70 ngày. Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Kollsut International Inc./ Mỹ	Sợi	780
61	G02.061	Chỉ khâu tiêu nhanh Polyglactine 910 số 2/0 dài 90cm	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 tự tiêu tổng hợp, đa sợi, phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate, số 2/0, dài 75 cm, màu tím, kim 26mm, vòng kim 1/2, kim tròn đầu tròn, làm từ thép không gỉ. Thời gian tiêu: 56-70 ngày. Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Kollsut International Inc./ Mỹ	Sợi	600
62	G02.062	Chỉ khâu tiêu nhanh Polyglactine 910 số 3/0 dài 75cm	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 tự tiêu tổng hợp, đa sợi, phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate, số 3/0, dài 75 cm , màu tím, kim 26 mm, vòng kim 1/2, kim tròn đầu tròn, làm từ thép không gỉ. Thời gian tiêu: 56-70 ngày. Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Kollsut International Inc./ Mỹ	Sợi	480

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
63	G02.063	Chỉ khâu tiêu nhanh Polyglactine 910 số 4/0 dài 75cm	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 tự tiêu tổng hợp, đa sợi, phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate, số 4/0, dài 75 cm , màu tím, kim 20 mm, vòng kim 1/2, kim tròn đầu tròn, làm từ thép không gỉ. Thời gian tiêu: 56-70 ngày. Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Kollсут International Inc./ Mỹ	Sợi	24
64	G02.064	Chỉ khâu tiêu nhanh Polyglactine 910 số 5/0 dài 75cm	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 tự tiêu tổng hợp, đa sợi, phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate, số 5/0, dài 75 cm , màu tím, kim 17 mm, vòng kim 1/2, kim tròn đầu tròn, làm từ thép không gỉ. Thời gian tiêu: 56-70 ngày. Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Kollсут International Inc./ Mỹ	Sợi	24
65	G02.065	Chỉ thép các cỡ	Chỉ làm bằng chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8%Fe; 17.52%Cr; 14.27%Ni). Đường kính thép 0,5mm chiều dài 5m/cuộn	Aysam Ortopedi ve Tibbi Aletler San. Tic. Ltd. Sti/ Thổ Nhĩ Kỳ	Cuộn	10
66	G02.066	Tay dao điện 3 giác cầm bằng thép không gỉ	Tay dao mổ điện 3 chân cầm vô khuẩn dùng 1 lần.	Yueh Sheng Electronic Industrial Co., Ltd.;Đài Loan (Trung Quốc)	Cái	30
67	G02.067	Lưỡi dao mổ vô trùng các số	Dao sắc. Chất liệu thép các bon, tiết trùng, các số 10, 11, 12 ,15, 20, 21, 22. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.	Kehr /Ấn Độ	Cái	2.500

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
68	G02.068	Phim X-Quang số hóa 25cm x 30cm (10x12inch)	Là loại phim khô laser kích thước 25x30 cm, có thể nạp phim theo Cartridges dưới ánh sáng thường. Phim được phủ nền 7 triệu Poliester. Có thể lưu trữ phim trên 100 năm. Phù hợp với máy in Dryview. Đạt các tiêu chuẩn sau: ISO 13485; FDA. Quy cách: 125 tờ/hộp	Carestream Health, Inc/ Hoa Kỳ	Hộp	160
69	G02.069	Sonde Foley 2 nhánh các số	Sonde Foley 2 nhánh các số. Chất liệu cao su, bề mặt phủ silicon, độ cong thích hợp, không gây tổn thương, không gây kích ứng da. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Zhanjiang Star Enterprise/ Trung Quốc	Cái	600
70	G02.070	Sonde Nelaton các số	Ống dài 40 cm, chất liệu cao su. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	SAINTY INTERNATIONAL GROUP JIANGSU YANGZHOU SUMEX IMP. & EXP. CO., LTD/Trung Quốc	Cái	600

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
71	G02.071	Chỉ thị hóa học đơn thông số (Hấp ướt), có keo Acrylate, sử dụng bên trong gói dụng cụ 1.5 cm x 20 cm (1250	Chỉ thị hóa học hơi nước 1250 là một dải giấy được in bằng mực chỉ thị hóa học chuyển từ trắng sang nâu sậm hoặc đen khi tiếp xúc với hơi nước trong quá trình tiệt khuẩn. Chỉ thị đặt bên trong gói, cho biết liệu hơi nước có xâm nhập đến vị trí của chỉ thị, thường là trung tâm của gói hay không. Phản ứng với hơi nước, thời gian và nhiệt độ. Kiểu đục lỗ ở giữa cho phép sử dụng toàn bộ hoặc nửa chiều dài cho kích thước gói khác nhau. Là chỉ thị hóa học bên trong loại 4 theo phân loại của ISO 11140-1:2014. Sau khi sử dụng, chỉ thị sẽ không thay đổi màu trong vòng 6 tháng khi được bảo quản đúng điều kiện khuyến nghị trong hướng dẫn sử dụng Quy cách: 240 cái/hộp	3M / Mỹ	Hộp	10
72	G02.072	Chỉ thị hóa học đa thông số (Hấp ướt), sử dụng bên trong gói dụng cụ 1243A	Chỉ thị hóa học hơi nước 1243 được sử dụng để giám sát chất lượng tiệt khuẩn bên trong mỗi gói dụng cụ. Bao gồm một bắc giấy và một viên hóa chất nhạy cảm với hơi nước và nhiệt độ, tất cả được bao bọc trong 1 lớp giấy/màng phim/ lá kim loại. Công nghệ di chuyển mực in phía trước, viên hóa chất chảy và chuyển thành màu tối sẫm chạy dọc theo bắc giấy. Dễ đọc kết quả với thiết kế màu sắc sinh động nhìn thấy được qua ô màu xanh lá được đánh dấu "ACCEPT" là đạt hoặc ô màu đỏ được đánh dấu "REJECT" là không đạt. Mặt sau có màu Trắng / Đỏ: Dễ dàng tìm thấy hơn (ngay cả khi bị lật úp trong khay dụng cụ). Là chỉ thị tích hợp loại 5 được phân loại theo ISO 11140-1:2014. Giám sát tất cả 3 biến quan trọng của quá trình tiệt khuẩn: thời gian, nhiệt độ và áp suất (hơi nước). Hiệu suất tương quan với một chỉ thị sinh học. Sản phẩm không chứa chì. Khuyến nghị sử dụng bởi AORN 2020 : sử dụng bên trong mỗi gói dụng cụ Tiêu chuẩn: ISO, CE,...(hoặc tương đương). Quy cách: 500 miếng/gói	3M / Mỹ	Gói	05

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
73	G02.073	Băng chỉ thị hấp ướt (1322)	* Băng chỉ thị nhiệt 1322 dùng trong tiệt khuẩn hơi nước với mục đích cố định gói dụng cụ chắc chắn và phân biệt gói dụng cụ đã qua tiệt khuẩn hay chưa * Mục chỉ thị hóa học, được in theo kiểu sọc chéo, không chứa chì nghĩa là không tạo chất thải nguy hại ra môi trường * Lớp keo không chứa cao su, dính chắc phù hợp với nhiều loại vải bọc, giấy gói, bao plastic,... * Lớp nền là loại giấy crepe màu be có thể co giãn giúp giảm thiểu tình trạng băng dính bị “bung ra” trong quá trình tiệt trùng, có thể viết được lên trên hoặc dán nhãn bằng nhãn in sẵn * Các vạch chỉ thị hóa học sẽ hiển thị sự thay đổi màu sắc trực quan từ trắng nhạt / rám nắng sang nâu sẫm / đen khi tiếp xúc với quy trình tiệt trùng bằng hơi nước * Băng chỉ thị nhiệt 1322 là chỉ thị hóa học tiếp xúc loại 1 theo phân loại của ISO 11140-1:2014. * Sau khi sử dụng, chỉ thị sẽ không thay đổi màu trong vòng 6 tháng khi được bảo quản đúng điều kiện khuyến nghị trong hướng dẫn sử dụng Tiêu chuẩn: ISO, CE, CFS Kích thước: (12mmx55m)/ cuộn	3M / Mỹ	Cuộn	15
74	G02.074	Bao camera	Nguyên liệu: được làm từ ống nylon, fi 18cm, màu trắng trong Kích thước fi 18x 230cm, có dây buộc 2 ly; túi nylon 9cm x 14cm, có dây bằng cotton. Đóng gói: 1 cái/gói. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas Đạt TCVN ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, CE	Danameco/ Việt Nam	Cái	1.000

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
75	G02.075	Đầu côn vàng	Được sản xuất bằng nhựa PP Đầu côn vàng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Nantong Renon Laboratory Equipment Co., Ltd/Trung Quốc	Cái	10.000
76	G02.076	Đầu côn xanh	Được sản xuất bằng nhựa PP Đầu côn xanh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Nantong Renon Laboratory Equipment Co., Ltd/Trung Quốc	Cái	3.000
77	G02.077	Đè lưỡi Inox	Thông số kỹ thuật: - Chiều dài 200mm - Chiều rộng là 17mm - Đè lưỡi được làm hoàn toàn bằng inox	Gold Tier Mic/Pakistan	Cái	50
78	G02.078	Đè lưỡi gỗ tiết trùng	Thành phần cấu tạo: - Que đè lưỡi gỗ: Gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh. - Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. - Sản phẩm được tiết trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, ISO 14001, ISO 9001	Tanaphar/ Việt Nam	Cái	2.000

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
79	G02.079	Kìm nhổ răng số 8 hàm dưới	- Làm bằng thép không gỉ, hấp sấy được. - Chứng chỉ ISO 9001, 13485, EC... - Có thể hấp tiệt trùng ở nhiệt độ 121°C trong vòng 30 phút	Prime Tech;Pakistan	Cái	02
80	G02.080	Kìm nhổ răng số 8 hàm trên bên phải	Chất liệu: Thép không gỉ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Prime Tech/Pakistan	Cái	02
81	G02.081	Kìm nhổ răng số 8 hàm trên bên trái	Chất liệu: Thép không gỉ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Prime Tech/Pakistan	Cái	02
82	G02.082	Kìm nhổ chân răng cửa hàm trên	Chất liệu: Thép không gỉ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Prime Tech/Pakistan	Cái	02
83	G02.083	Kìm nhổ chân răng cửa hàm dưới	Chất liệu: Thép không gỉ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Prime Tech/Pakistan	Cái	02
84	G02.084	Kìm nhổ răng cửa hàm dưới	Chất liệu: Thép không gỉ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Prime Tech/Pakistan	Cái	02
85	G02.085	Kìm nhổ răng cửa hàm trên	Chất liệu: Thép không gỉ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Prime Tech/Pakistan	Cái	02

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
86	G02.086	Mask thở oxy Sơ sinh, người lớn + Trẻ em	Làm bằng nhựa PVC y tế. Có kẹp mũi loại điều chỉnh được Có dây đeo đàn hồi Có ống thở dài 2m Kích cỡ có sẵn: S, M, L, XL Đóng gói riêng trong túi PE, đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Ningbo Yingmed/ Trung Quốc	Cái	10
87	G02.087	Mask thở oxy Sơ sinh, người lớn + trẻ em có túi dự trữ	Làm bằng nhựa PVC y tế, chất liệu tốt, không gây dị ứng Có kẹp mũi loại điều chỉnh được Mặt nạ có dây đeo. Bầu đựng thuốc từ 2ml -> 6ml. Tốc độ phun sương từ 0.60ml -> 0.70ml/phút. Giọt phun sương từ 0.010ml -> 0.014ml/giọt. Có ống thở dài 2m Kích cỡ có sẵn: S, M, L, XL Đóng gói riêng trong túi PE. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE	Ningbo Yingmed/ Trung Quốc	Cái	10
88	G02.088	Bóng bóp oxy	Bóng bóp ambu gồm: 01 bóng bóp, 01 mặt nạ, 01 dây dẫn và 01 túi chứa khí	Zhejiang Renon Medical Instrument Co., Ltd/Trung Quốc	Cái	10
89	G02.089	Mũi khoan hoàn thiện đuôi chuột	Sản phẩm này được dùng để khoan các mô cứng như răng và xương, được làm từ thép cacbon và thép không gỉ	Mani/ Việt nam	Cái	05
90	G02.090	Mũi khoan ngọn lửa	Sản phẩm này được dùng để khoan các mô cứng như răng và xương, được làm từ thép cacbon và thép không gỉ	Mani/ Việt nam	Cái	05

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
91	G02.091	Mũi khoan tròn	Sản phẩm này được dùng để khoan các mô cứng như răng và xương, được làm từ thép cacbon và thép không gỉ	Mani/ Việt nam	Cái	05
92	G02.092	Mũi khoan trụ	Sản phẩm này được dùng để khoan các mô cứng như răng và xương, được làm từ thép cacbon và thép không gỉ	Mani/ Việt nam	Cái	05
93	G02.093	Mũi khoan xương răng	Sản phẩm này được dùng để khoan các mô cứng như răng và xương, được làm từ thép cacbon và thép không gỉ	Mani/ Việt nam	Cái	05
94	G02.094	Mũi trụ trơn đỏ	Sản phẩm này được dùng để khoan các mô cứng như răng và xương, được làm từ thép cacbon và thép không gỉ	Mani/ Việt nam	Mũi	05
95	G02.095	Filter lọc khuẩn dùng cho máy đo chức năng hô hấp	Thông số kỹ thuật Kích thước: - Đường kính ngoài: 33.3mm - Đường kính trong: 30.5mm - Chiều dài: 41.5mm - Độ dày: 2mm - Trọng lượng: 20.29g - Phần ngậm miệng: Ø 30mm Chất liệu: - Polycarbonate, giấy / cellulose nguyên chất	E TAI Precision Corp., Đài Loan/Đài Loan (Trung Quốc)	Cái	500

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
96	G02.096	Bóng đèn hồng ngoại	Bóng đèn hồng ngoại 220V-250W	NINGBO GREETMED MEDICAL INSTRUMENTS CO., LTD / Trung Quốc	Cái	10
97	G02.097	Nẹp khóa mắt xích, chất liệu titanium	Chất liệu titanium nguyên chất. Gồm các loại 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 18 lỗ. Độ dày nẹp 3.0mm, chiều rộng 10mm, chiều dài nẹp từ 64mm - 233mm	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co., Ltd./Trung Quốc	Cái	20
98	G02.098	Vít khóa đường kính 3.5mm	Chất liệu titanium Alloy, tự taro. Đường kính 3.5mm, đường kính lõi 2.7mm. Chiều dài từ 10 - 50mm bước ren tăng 2mm; Chiều dài 45-80mm bước ren tăng 5mm.	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co., Ltd.;Trung Quốc	Cái	150

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
99	G02.099	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt trong có nén ép, các cỡ, chất liệu titanium	Chất liệu titanium nguyên chất, Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, Sử dụng hệ thống vít 2.7 và 3.5mm, Số lỗ đầu: 3 lỗ dùng vít 2.7mm, số lỗ thân: 3, 5, 7, 9 lỗ, Trái/phải, , Dày 2.5mm, rộng 11.2mm. Chiều dài từ 59mm - 136mm.	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co., Ltd.;Trung Quốc	Cái	05
100	G02.100	Nẹp khóa chữ S xương đòn, trái/phải các cỡ	Chất liệu titanium nguyên chất, Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, Độ dày 3mm, rộng 10.5mm. gồm các loại 6, 7, 8 lỗ, trái/ phải các loại. Chiều dài từ 103.2 đến 122.5mm.	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co., Ltd.;Trung Quốc	Cái	15
101	G02.101	Vít xương xỏp đường kính 4.0mm	Chất liệu titanium. Đường kính 4.0mm. Chiều dài từ 10 đến 65mm, ren bán phần.	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co., Ltd.;Trung Quốc	Cái	20

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
102	G02.102	Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt ngoài/ trái/ phải các cỡ, chất liệu titanium	Chất liệu titanium nguyên chất. Thiết kế hình chữ L, trái/phải riêng biệt, Độ dày 4.2mm, độ rộng 14mm, số lỗ 9,11,13,15,17,19 lỗ, Chiều dài nẹp từ 117mm đến 277mm.	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co., Ltd.;Trung Quốc	Cái	05
103	G02.103	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro	Chất liệu titanium Alloy, thân toàn ren, đầu vít tự taro. Đường kính 4.5mm, đường kính lõi 3mm. Chiều dài từ 14 - 60mm bước ren 2mm; Chiều dài từ 60 - 75mm bước ren 5mm.	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co., Ltd.;Trung Quốc	Cái	150
104	G02.104	Nẹp khóa bản rộng lỗ kép loại nén ép, chất liệu titanium	Chất liệu titanium nguyên chất, Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, Gồm các loại 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 lỗ,. Độ dày nẹp 6.0mm, chiều rộng 17.5mm. Chiều dài nẹp từ 107mm - 323mm	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co., Ltd.;Trung Quốc	Cái	20

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
105	G02.105	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi, chất liệu titanium	Chất liệu titanium nguyên chất, Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, gồm các loại 5, 7, 9, 11, 13 lỗ ở thân,. Độ dày nẹp 6mm, chiều rộng nẹp 16mm. Trái/phải các loại, Chiều dài nẹp từ 156mm đến 316mm.	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co., Ltd.;Trung Quốc	Cái	02
106	G02.106	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong, ngoài, các loại, các cỡ, titanium	Chất liệu titanium nguyên chất, Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt Nẹp mặt ngoài gồm các loại 5, 7, 9, 11 và 13 lỗ ở thân,. Độ dày nẹp 4.2mm, chiều rộng nẹp 16mm. Chiều dài nẹp từ 140mm đến 300mm. Nẹp mặt trong gồm: dày 3.8mm, rộng 14m, 3 lỗ đầu, số lỗ thân từ 4-13 lỗ, tương ứng với chiều dài từ 84mm- 228mm	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co., Ltd.;Trung Quốc	Cái	05
107	G02.107	Đinh Kitsner các cỡ, Vật liệu thép không gỉ	Đường kính từ 1.0 đến 3.5mm, dài từ 150 đến 400mm. Tiêu chuẩn ISO, CE, chất liệu thép không gỉ	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co., Ltd.;Trung Quốc	Cái	30

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
108	G02.108	Mũi khoan xương các cỡ, Vật liệu thép không gỉ	Vật liệu: Thép không gỉ Đường kính: 2.5, 3.2, 4.5, 4.2, 2.6mm	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co., Ltd.;Trung Quốc	Cái	04
109	G02.109	Khung Fessa	Hình ống sáo, lỗ tròn dọc thân ống. Chất liệu bằng thép không gỉ các cỡ	Gold Tier Mic / Pakistan	Ống	20
110	G02.110	Đinh Steiman các cỡ	Đường kính 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm dài 180mm; 200mm. Chất liệu thép không gỉ	AF Medical GmbH/Đức	Cái	80
111	G02.111	Chốt đinh Steiman	Đường kính 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm dài 180mm; 200mm. Chất liệu thép không gỉ	AF Medical GmbH/Đức	Cái	80
112	G02.112	Vít khóa đường kính 5.0mm , Chất liệu Titanium	Chất liệu titanium Alloy. Đường kính 5.0mm, đường kính lõi 4.2mm , tự taro. Chiều dài từ 14 - 50mm, bước tăng 2mm; Chiều dài từ 50 - 90mm bước tăng 5mm.	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co., Ltd.;Trung Quốc	Cái	150

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
113	G02.113	Vít xương cứng 3.5mm, , Chất liệu Titanium	Chất liệu titanium Alloy, toàn ren, tự taro. Đường kính 3.5mm, đường kính lõi 2.4mm, Chiều dài từ 10 - 50mm bước tăng 2mm; Chiều dài từ 50 - 130mm bước tăng 5mm.	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co., Ltd.;Trung Quốc	Cái	20
114	G02.114	Nẹp khóa bản nhỏ dày 3.6mm các cỡ, Chất liệu Titanium	Chất liệu titanium nguyên chất Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, Số lỗ gồm các loại 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 , 11, 12 lỗ, . Độ dày nẹp 3.6mm, chiều rộng 11mm, chiều dài nẹp từ 51mm - 155mm.	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co., Ltd.;Trung Quốc	Cái	15
115	G02.115	Nẹp khóa bản hẹp các cỡ, Chất liệu Titanium	Chất liệu titanium nguyên chất, Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, Gồm các loại 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14 và 16 lỗ,. Độ dày nẹp 4.8mm, chiều rộng nẹp 13.5mm. Chiều dài nẹp từ 89mm - 287mm	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co., Ltd.;Trung Quốc	Cái	15

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
116	G02.116	Test thử nhanh phát hiện kháng thể virus viêm gan C	Kháng thể đơn dòng kháng HCV, kháng nguyên HCV tái tổ hợp, kháng thể dê kháng TgG chuột phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C. Sử dụng kháng nguyên tái tổ hợp (Protein lõi, NS3, NS4, NS5) làm nguyên liệu. Không sử dụng dung dịch đệm Ngưỡng phát hiện: 2 NCU/ml Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/huyết thanh Độ nhạy: $\geq 99\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$	Công ty CP SXKD Sinh Phẩm Chẩn Đoán Y Tế Việt Mỹ/Việt Nam	Test	2.000
117	G02.117	Test thử nhanh phát hiện kháng nguyên virus viêm gan B	Kháng thể đơn dòng kháng HBsAg, kháng nguyên HBsAg tái tổ hợp, kháng thể dê kháng IgG chuột phát hiện định tính sự có mặt kháng nguyên virus viêm gan B trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/huyết thanh Độ nhạy: $\geq 99\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$	Công ty CP SXKD Sinh Phẩm Chẩn Đoán Y Tế Việt Mỹ/Việt Nam	Test	3.000
118	G02.118	Định tính phát hiện kháng thể kháng virus HIV	Kháng thể đơn dòng HIV 1&2, kháng nguyên tái tổ hợp HIV 1&2 (GP36, GP41), kháng thể dê kháng IgG chuột Phát hiện định tính kháng thể kháng virus HIV type 1 và 2 Ngưỡng phát hiện: 2 NCU/ml Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/huyết thanh Độ nhạy: $\geq 99\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$	Công ty CP SXKD Sinh Phẩm Chẩn Đoán Y Tế Việt Mỹ/Việt Nam	Test	2.500

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
119	G02.119	Test thử nhanh tiểu đường	Đạt tiêu chuẩn ISO13485. Sử dụng men que thử GDH-FAD; lượng mẫu máu: 1.1µl; thời gian đo 5 giây; khoảng đo 10-700mg/dl (0.5-38.9mmol/l); độ chính xác ±15mg/dl nếu < 100mg/dl (± 15% nếu > 100mg/dl).	TaiDoc Technology Corporation/Đài loan	Test	1.000
120	G02.120	Test thử nhanh phát hiện kháng nguyên vi rút Rota	Xét nghiệm phát hiện kháng nguyên Rota - Mẫu phẩm: Mẫu Phân - Độ nhạy: 97,88%, - Độ đặc hiệu: 98,36% Thành phần Kit thử: - Kháng thể đơn dòng 2 kháng Rotavirus (Rotavirus monoclonal antibody-2): 10 µg/ml - Kháng thể đơn dòng 1 kháng Rotavirus (Rotavirus monoclonal antibody-1): 1,15 mg/ml - Kháng thể đa dòng kháng IgG Chuột (Anti Mouse IgG Polyclonal antibody): 1,15 mg/ml	Guangzhou Wondfo Biotech Co., Ltd. Trung Quốc	Test	1.000
121	G02.121	Test thử ma túy 4 trong 1 (MET/THC/AMP/Morphin)	Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu Ngưỡng phát hiện: + Morphine: 300 ng/ml + Amphetamine: 1000 ng/ml + Methamphetamine: 500 ng/ml + THC: 50 ng/ml Độ nhạy: ≥ 99%. Độ đặc hiệu: ≥ 99%	Công ty CP SXKD Sinh Phẩm Chẩn Đoán Y Tế Việt	Test	2.500

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
122	G02.122	Test thử nhanh phát hiện kháng nguyên vi rút cúm A/B	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 - Mẫu phẩm: Mẫu phết dịch mũi - Phát hiện virus cúm A trong dịch mũi - Thành phần Kít thử: Kháng thể đơn dòng kháng nucleoproteins cúm A (Ab1) (0,16µg); - Vạch kết quả kháng thể đơn dòng nucleoproteins A (Ab2) (0,2µg); Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG chuột (0,88 µg) - Bảo quản ở nhiệt độ thường	In Tec Products Inc/Trung Quốc	Test	1.500
123	G02.123	Dung dịch rửa tay sát khuẩn thường quy	Chlorhexidine Digluconate 1% (w/w) và các chất phụ gia (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, ...) vừa đủ 100%. Quy cách: Chai 1000ml	Công ty TNHH sản xuất đầu tư thương mại Tân Hương/Việt Nam	Chai	150
124	G02.124	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	Chlorhexidine digluconate 4% (1,1 Hexamethylenebis (5-(4-Chlorophenyl)-biguanide) digluconate 4%) xà phòng khử khuẩn dùng trong vệ sinh tay ngoại khoa, dung dịch tắm bệnh nhân trước phẫu thuật. Đạt tiêu chuẩn dùng trong vệ sinh tay ngoại khoa theo yêu cầu của WHO: EN 12791. Diệt virus theo tiêu chuẩn EN 14476. Diệt khuẩn, nấm, hiệu quả trên virus. Diệt vi khuẩn đa kháng gây nhiễm khuẩn bệnh viện: MRSA, ESBL, Acinetobacter baumannii... Quy cách: Chai 500ml	Laboratoires Anios/Pháp	Chai	50

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
125	G02.125	Dung dịch Enzym làm sạch dụng cụ y tế bao gồm cả dụng cụ nội soi, sử dụng được cho cả máy rửa khử khuẩn	Hỗn hợp 5 enzyme: Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase + chất hoạt động bề mặt tẩy rửa dụng cụ y tế với 5 enzyme. Phù hợp với máy rửa dụng cụ. Hiệu quả với mọi loại nước (nước mềm hoặc nước chưa xử lý). Công thức không chứa chất bay hơi, pH trung tính ở nồng độ sử dụng. Ngăn hình thành màng biofilm, hiệu quả tẩy rửa được chứng minh qua các test ATPmetry, EN 15883. Ngăn ngừa sự nhiễm khuẩn theo tiêu chuẩn NF EN ISO 11930. Nồng độ sử dụng: 0,1-0,5%. Quy cách: Can 5 lít	Laboratoires Anios/Pháp	Can	04
126	G02.126	Chất tẩy rửa mạnh và khử khuẩn dụng cụ ngoại khoa, nội khoa và dụng cụ nội soi	14% N,N-Didecyl-N-Methyl-poly(oxyethyl)ammonium propionate + 0,3% Chlorhexidine digluconate. Hỗn hợp 3 enzym: protease, lipase và amylase. Các chất hoạt động bề mặt làm sạch và khử nhiễm đa enzyme (3 enzymes) dụng cụ y tế. Thích hợp với nước cứng. Ngăn hình thành màng biofilm theo tiêu chuẩn ISO/TS 15883-5:2005. Diệt khuẩn (bao gồm các dòng đa kháng MRSA, ESBL, VRE) tiêu chuẩn châu Âu EN 14561 trong 5 phút. Diệt virus HIV-1, HBV, HCV, HSV, Vacinia theo tiêu chuẩn châu Âu EN 14476 trong 5 phút. Nồng độ sử dụng: 0,5%. Quy cách: Can 5 lít	Laboratoires Anios/Pháp	Can	30
127	G02.127	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ y tế bao gồm cả dụng cụ nội soi không chịu nhiệt, có chứa OPA.	0,55% Ortho- Phthalaldehyde, pH=7 pha sẵn khử khuẩn mức độ cao dụng cụ nội soi và dụng cụ không chịu nhiệt. Không mùi, không hoạt hóa. pH = 7. Diệt khuẩn theo tiêu chuẩn EN 14561, diệt nấm theo tiêu chuẩn EN 14562, diệt virus theo tiêu chuẩn EN 14476 và diệt Mycobacteria theo tiêu chuẩn EN 14563 trong 5 phút. Tái sử dụng dung dịch trong chậu ngâm: 14 ngày (tặng kèm test thử để kiểm tra hiệu quả dung dịch). Thời gian bảo quản sau khi mở nắp lên đến 3 năm. Quy cách: Can 5 lít	Laboratoires Anios/Pháp	Can	30

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
128	G02.128	Viên nén khử khuẩn các bề mặt cứng	50% w/w Sodium Dichloroisocyanurate (2,5g Sodium Dichloroisocyanurate). Đạt tiêu chuẩn ISO 9001; ISO 13485	Hovid Bhd /Malaysia	Viên	1.500
129	G02.129	Dung dịch làm sạch và khử khuẩn bề mặt	2,5% Didecyldimethylammonium chloride + 5,1% N,N Bis (3Aminopropyl) dodecylamine.Dung dịch làm sạch và khử khuẩn sàn nhà và các bề mặt. Thành phần không chứa Aldehyde, không ăn mòn (không chứa chất oxy hóa). Tương thích với nhiều chất liệu bề mặt (có bảng tương thích đi kèm). Diệt khuẩn theo tiêu chuẩn EN 13727 trong 5 phút. Diệt virus HIV, HBV, HCV, H1N1 trong 5 phút. Diệt Coronavirus trong 15 phút theo tiêu chuẩn EN 14476, Nồng độ pha: 0.25%". Quy cách: Can 5 lít	Laboratoires Anios/Pháp	Can	10
130	G02.130	Oxy già NL 30%	hydrogen peroxide 30%. Đạt tiêu chuẩn ISO	Thuận Phát / Việt Nam	Lít	300
131	G02.131	Cloramin B	Có khả năng diệt tới 99,9% vi khuẩn phổ rộng, nấm, nha bào và virus, khử trùng, sát khuẩn. Đạt tiêu chuẩn ISO	Jinxi Yunxiang Pharmaceutical Co.,ltd / Trung Quốc	Kg	100

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
132	G02.132	Dung dịch ngâm dụng cụ khử nhiễm	6,5% Didecyldimethyl ammonium chloride + 0,074% Chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt. làm sạch và khử nhiễm dụng cụ y tế. pH trung tính, tương thích tốt với dụng cụ. Thích hợp với nước cứng. Ngăn hình thành màng biofilm theo tiêu chuẩn ISO/TS 15883-5:2005. Diệt vi khuẩn theo tiêu chuẩn EN 14561, diệt các chủng vi khuẩn đa kháng như MRSA, ESBL, VRE theo tiêu chuẩn EN 13727+A1 trong 15 phút. Diệt virus HIV-1, HBV, HCV, HSV, Vacinia theo tiêu chuẩn châu Âu EN 14476 + A1 trong 5 phút. Nồng độ sử dụng 0,5%. Quy cách: Can 5 lít	Laboratoires Anios/Pháp	Can	12
133	G02.133	Huyết thanh mẫu Anti A	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-A kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai. Quy cách: Lọ 10ml	Spectrum Diagnostics/Ai Cập	Lọ	20
134	G02.134	Huyết thanh mẫu Anti B	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-B kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai. Quy cách: Lọ 10ml	Spectrum Diagnostics/Ai Cập	Lọ	20
135	G02.135	Huyết thanh mẫu Anti AB	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-AB kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-AB kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai. Quy cách: Lọ 10ml	Spectrum Diagnostics/Ai Cập	Lọ	20

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
136	G02.136	Bộ nhuộm Lao	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbo Fuchsin chai 250ml, Alcohol acid (Hydrochloric acid in ethanol) chai 250ml và Metylen Blue chai 250ml. Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm. Đóng gói: Bộ 3 chai x 250ml có vòi bơm tiện dụng	Công ty cổ phần công nghệ Lavitec/Việt Nam	Bộ	20
137	G02.137	Giêm sa mẹ	Thành Phần: Eosin-methylene blue according to Giemsa 7.0 g/L, methanol 50%; Glycerol 50%. Quy cách: Chai 1.000ml TCCL: ISO13485	Quimica Clinica Aplicada,S.A/ Tây Ban Nha	Chai	03
138	G02.138	Giũa ống tủy màu xanh	Chất liệu: Thép không gỉ Giũa ống tủy	Mani/ Trung quốc	Cái	05
139	G02.139	Chổi đánh bóng (sau khi lấy cao răng)	Sợi cước y tế dẻo và cứng cáp được gắn chắc chắn trên đầu chổi. Đánh bóng cao vòi, làm sạch bề mặt răng khi sửa soạn gắn/dán với các vật liệu khác.	TPC Advanced Technology/ Mỹ	Cái	05
140	G02.140	Bẫy nhổ răng	Làm bằng thép không gỉ, hấp sấy được	Prime Tech/ Pakistan	Cái	02
141	G02.141	Giũa ống tủy màu đỏ	Giũa ống tủy Làm bằng thép không gỉ, hấp sấy được	Mani/ Trung quốc	Cái	05

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
142	G02.142	Giũa ống tủy màu vàng	Giũa ống tủy Làm bằng thép không gỉ, hấp sấy được	Mani/ Trung quốc	Cái	05
143	G02.143	Bộ five tạo hình ống tủy /FiveH	Đây là sản phẩm giữa nha khoa có chuỗi dùng để mở rộng khe tủy	Mani/ Trung quốc	Hộp	05
144	G02.144	Bộ five tạo hình ống tủy /FiveK	Đây là sản phẩm giữa nha khoa có chuỗi dùng để mở rộng khe tủy	Mani/ Trung quốc	Hộp	05
145	G02.145	Bộ khám bệnh (khay gương, gấp, thám trâm)	bộ khám bệnh (khay gương, gấp, thám trâm)	Mani/ Trung quốc	Hộp	05
146	G02.146	Côn giấy	Được sản xuất từ nguyên liệu giấy cao cấp đảm bảo thấm hút nhanh và làm khô ống tủy, sẵn sàng cho việc trám bít.	Sure Dent/Hàn Quốc	Cái	05
147	G02.147	Cục cắn mở miệng cao su	Chất liệu: Cao su Size: M, L	Việt Nam	Cái	02
148	G02.148	Đài đánh bóng cao su	Đài cao su TPC được thiết kế để đánh bóng răng, kết hợp với paste đánh bóng sau khi cạo vôi. Sản phẩm này còn có khả năng đánh bóng miềng trám composite và bề mặt răng sứ. Với độ bền cao và khả năng tái sử dụng nhiều lần sau khi hấp sấy	TPC - Trung Quốc	Cái	05

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
149	G02.149	Đầu lấy cao	Đầu lấy cao	TPC/ Mỹ	Cái	05
150	G02.150	Đèn cò	Thể tích: 250ml Chất liệu: thân thủy tinh, dây tim và nắp chụp nhựa chịu nhiệt	Việt Nam	Cái	01
151	G02.151	Giấy cắt kễ		GC - Nhật Bản	Túi	02
152	G02.152	Giấy đánh chất hàn	Hộp 10 tập	GC - Nhật Bản	Tập	02
153	G02.153	Keo Bonding	Lọ 6 gam Đạt tiêu chuẩn CE	Vivadat - liechtenstein	Lọ	02
154	G02.154	Hộp đựng mũi khoan	Hộp làm bằng Inox không gỉ, bên ngoài là lớp nhựa PP Hộp 75 lỗ	Pakistan/ Pakistan	Hộp	04
155	G02.155	Que bond	Đa dạng kích cỡ phù hợp với nhiều nhu cầu sử dụng: siêu mịn (trắng, tím), mịn (vàng), trung bình (xanh dương), lớn (xanh lá). Đầu cọ nhỏ mịn, đều đặn, chắc chắn, không bị tưa mòn trong quá trình sử dụng. Quy cách: 100 cây/ hộp	TPC - Trung Quốc	Hộp	02
156	G02.156	Que hàn nha khoa	Chất liệu: Thép cao cấp Tiêu chuẩn CE	Prime - Pakistan	Cây	04
157	G02.157	Khí ÔXY	Khí oxy y tế. Bình 40 lít; Khí oxy y tế dạng khí chứa trong bình chuyên dụng. Hàm lượng Oxy $\geq 99,6\%$. Hàm lượng nước thấp $\leq 0,006\text{mg/lít}$ và đạt tiêu chuẩn ISO 9001	Công ty cổ phần thiết bị và khí công nghiệp Hà Nội	Bình	500

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
158	G02.158	Khí ÔXY	Khí oxy y tế. Bình 10 lít; Chất lượng O2 $\geq 99,5\%$; Áp suất nạp 150atm; áp suất sử dụng ≥ 135 atm. Khí được đóng chai dung tích 10 lít. Đạt tiêu chuẩn oxy y tế, ISO 9001:2015 hoặc tương đương	Công ty cổ phần thiết bị và khí công nghiệp Hà Nội	Bình	20
159	G02.159	Khí CO2	Khí CO2 - bình 10 lít Dung tích: 10 lít; khối lượng khí: 5kg/bình Độ tinh khiết CO2 $\geq 99,9\%$ (TT/TT) Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015	Công ty cổ phần thiết bị và khí công nghiệp Hà Nội	Bình	20
160	G02.160	Nước cất	Nước cất tinh khiết không màu, không mùi, không vị. Quy cách: Can 5 lít	Thuận Phát/ Việt Nam	Lít	800
161	G02.161	Parafin rắn 30x48cm	Parafin rắn. Điểm nóng chảy: 47 °C - 65 °C Quy cách: 50 kg/ bao		Kg	50
162	G02.162	Vôi sô đa "Dùng để hấp thụ khí CO2 trong phòng chống độc"	Chế phẩm hoá học có thành phần chính là canxi hydroxit Ca(OH)2 và natri hydroxit (NaOH) Quy cách đóng gói: Can 4,5 lít	Molecular Products Ltd/vương quốc anh	Can	03

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
163	G02.163	Gel siêu âm	Trong suốt, không màu hoặc màu xanh, dễ dàng tan trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường. Giới hạn nhiễm khuẩn: Mẫu thử phải không có sự hiện diện của các vi khuẩn sau: Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa. Tổng số nấm trong 1g (ml) mẫu thử, nhỏ hơn 10^1 (CFU/g hoặc CFU/ml). Tổng số vi sinh vật hiếu khí: $< 10^2$ (CFU/g hoặc CFU/ml). ISO 9001:2015; ISO 13485:2016. CE Quy cách: Can 5 lít	Công ty cổ phần Merufa/Việt Nam	Can	12
164	G02.164	Giấy điện tim 3 cần	Dùng cho y tế Kích thước: 63mmx100mmx300SH/Tập	TELE-PAPER (M)SDN BHD/Malaysia	Tập	70
165	G02.165	Giấy điện tim 3 cần	Giấy có bề mặt trơn láng, kẻ ô vuông. Tương thích cho máy điện tim 3 cần. Kích thước 63mm x 30m x 16mm/ Cuộn	TELE-PAPER (M)SDN BHD/Malaysia	Cuộn	70
166	G02.166	Giấy in máy nước tiểu	Kích thước: 57mm x30m x16mm, dùng cho máy in nhiệt nước tiểu. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; CE.	Dongguan Tianyin Paper Industry Co.LTD/Trung Quốc	Cuộn	50
167	G02.167	Giấy in siêu âm	Dùng cho các dòng máy in của hãng Sony UP-X897MD, UP-D897MD, UP-X898MD , UP-D898MD. Dung lượng: Khoảng 215 bản in cho mỗi cuộn giấy in. Kích thước 110mm × 20 m	Sony Corporation/ Nhật Bản	Cuộn	100

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
168	G02.168	Lam kính	Độ dày: 1.0-1.2 mm. Kích thước: 25.4 x 76.2mm(1” x 3”) ±1mm. Kính trơn Quy cách: 100 cái/hộp	Zhejiang Renon Medical Instrument Co., Ltd/Trung Quốc	Hộp	60
169	G02.169	Lam kính mài	Độ dày: 1.0-1.2 mm. Kích thước: 25.4 x 76.2mm(1” x 3”) ±1mm. Kính mài mờ 1 đầu. Quy cách: 100 cái/hộp	Zhejiang Renon Medical Instrument Co., Ltd/Trung Quốc	Hộp	20
170	G02.170	Mũ giấy đã tiệt trùng	Sản phẩm mũ phẫu thuật được sản xuất từ chất liệu không dệt Polypropylen cao cấp, đã tiệt trùng, tăng độ bền, tiện sử dụng. Sản phẩm được dùng trong phòng mổ, phòng phẫu thuật thẩm mỹ,...Mũ phẫu thuật chỉ được sử dụng một lần duy nhất.	Công ty Cổ phần dược phẩm và thiết bị y tế An Phú/ Việt Nam	Cái	5.000

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
171	G02.171	Nhiệt kế thủy ngân	• Được làm từ thủy tinh trong suốt, bên trong có vạch chia độ và dải thủy ngân • Nhiệt độ đo được tối đa 35-42°C • Đo ở miệng: Đặt đầu có bầu kim loại dưới lưỡi và ngậm chặt miệng lại. Không nói chuyện hoặc cắn nhiệt kế khi sử dụng. • Chú ý: Không sử dụng cách này cho trẻ em • Đo ở nách : Nếu đặt ở nách thì để bầu thủy ngân vào hõm nách(bẹn), khép cánh tay vào ngực để kẹp giữ ống thủy . • Đặt nhiệt kế tối thiểu 5 phút ở miệng hoặc nách. • Xoay nhẹ nhiệt kế để nhìn xem mức thủy ngân. Quy cách: Hộp 1 cái	Dong-E E-Jiao E-Hua Medical Equipment Co., Ltd;Trung Quốc	Cái	300
172	G02.172	Bàn chải rửa tay phẫu thuật	Lông bàn chải nylon Có thể hấp tiệt trùng Quy cách đóng gói: Hộp 12 cái	Greetmed/ Trung Quốc	Cái	50
173	G02.173	Hộp hấp dụng cụ y tế, có nắp, các cỡ	Hộp hấp dụng cụ có nắp được làm bằng thép không gỉ SUS304	Meinfa/Việt Nam	Cái	10
174	G02.174	Túi đựng rác màu vàng	Chất liệu: nhựa HDPE, nhựa PE Túi có dây rút; có quai xách; Có logo y tế	Việt Nam	Kg	400
175	G02.175	Túi đựng rác màu đen	Chất liệu: nhựa HDPE, nhựa PE Túi có dây rút; có quai xách; Có logo y tế	Việt Nam	Kg	10

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
176	G02.176	Túi đựng rác màu trắng	Chất liệu: nhựa HDPE, nhựa PE Túi có dây rút; có quai xách; Có logo y tế	Việt Nam	Kg	100
177	G02.177	Túi đựng rác màu xanh	Chất liệu: nhựa HDPE, nhựa PE Túi có dây rút; có quai xách; Có logo y tế	Việt Nam	Kg	600
178	G02.178	Khẩu trang y tế 4 lớp	Được làm từ 4 lớp vô trùng. Lớp ngoài chống thấm nước, ngăn giọt bắn như nước bọt, dịch mũi.... Lớp 2-3 giấy lọc khuẩn , cấu trúc giấy kháng khuẩn để lọc các loại bụi và khuẩn có hại. Lớp 4 vải lót mềm có tráng phân tử bạc diệt trùng tạo sự thoải mái cho người sử dụng. Có thanh định hình mũi. Khả năng kháng khuẩn và lọc cao an toàn sử dụng Quy cách đóng gói: 50 cái/ hộp	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Lành; Việt Nam	Cái	5.000
179	G02.179	Javen 30%	Javen có nồng độ 30%, có màu, có mùi đặc trưng. Quy cách: Can 25 lít	Thuận Phát/Việt Nam	Lít	240
180	G02.180	Ống hút dịch nhựa cứng	Chất liệu: nhựa PVC nguyên chất Có 2 đầu nối Quy cách: Túi 1 cái	Medical Plastics Co., Ltd/Trung Quốc	Cái	1.200
181	G02.181	Dây garo	Sản phẩm được làm bằng thun, chất liệu cao su co giãn tốt, có băng gai dính 2 đầu, miếng băng gai bền chắc, dễ thao tác hoặc có khóa nhựa. Sản phẩm có thể sử dụng lại nhiều lần. Sản phẩm có độ co giãn tốt, các góc cạnh không được sắc, cứng gây trầy xước da, dị ứng, làm sưng rất , đỏ đau trong quá trình sử dụng. Quy cách: 1 cái/ gói	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Lành/ Việt Nam	Cái	400

STT	MHH	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7
182	G02.182	Gel bôi trơn 82g	Trong suốt, không màu, không mùi. Tan trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường. Thành phần chính: Nước cất, Hydroxyethyl cellulose, glycerine, natri hydroxid, sodium benzoat. Giới hạn nhiễm khuẩn: Mẫu thử phải không có sự hiện diện của các vi khuẩn sau: Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Candida albicans. Tổng số nấm trong 1g (ml) mẫu thử, nhỏ hơn 10^1 (CFU/g hoặc CFU/ml). Tổng số vi sinh vật hiếu khí: $< 10^2$ (CFU/g hoặc CFU/ml). ISO 9001:2015; ISO 13485:2016. CE Quy cách đóng gói: 1 tupe 82 g	Công ty cổ phần Merufa/ Việt Nam	Tube	20
183	G02.183	Giấy in monitor sản khoa	Giấy in y tế cho monitoring sản khoa. Kích cỡ: 150mm x 100mm x 150 tờ/tập/xấp. Phù hợp với tiêu chuẩn máy của Bệnh viện Philips Avalon FM-20	TELE-PAPER (M) SDN BHD/Malaysia	Tập/Xấp	24
184	G02.184	Ống nghiệm nhựa có nút 16 x 100mm	chất liệu : nhựa PS, chiều dài khoảng 100mm, đường kính ngoài 16mm Ống xét nghiệm được ép bằng nhựa PS chánh phẩm không lẫn tạp chất, đảm bảo các ống đồng nhất về kích thước và số lượng. - Ống không có chất bôi trơn nên không gây nguy cơ nhiễm bẩn mẫu thử	Hangzhou Rollmed Co., Ltd/Trung Quốc	Cái	8.000
		Tổng cộng: 184 mặt hàng				